

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN**  
**CÔNG TRÌNH VIỆN THÔNG**

**MỤC LỤC**

|  | <b>Trang</b>   |
|--|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>  | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>  | <b>2 - 4</b>   |
| <b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>  | <b>5 - 6</b>   |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>  | <b>7 - 10</b>  |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b> | <b>11</b>      |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>           | <b>12 - 13</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>    | <b>14 - 35</b> |

\*\*\*\*\*



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Công trình Bưu điện theo Quyết định số 1519/2004/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000827 ngày 08 tháng 02 năm 2002.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được 8 lần cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ tám ngày 04 tháng 8 năm 2016 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 36405420
- Fax : (024) 36405419

### Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị   | Địa chỉ   |
|--|---|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông – Xí nghiệp Xây lắp số 1              | Lô 18, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông – Xí nghiệp Xây lắp số 2              | Lô 18, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông – Xí nghiệp Hàn nối – Đo Kiểm         | Lô 18, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông – Xí nghiệp Xây lắp Tư vấn - Thiết kế | Lô 18, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông – Chi nhánh Miền Nam                  | 147/30 quốc lộ 1K, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai                                |

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Xây dựng các công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và các công trình công nghiệp, giao thông dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thẩm định dự toán các công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề);
- Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: cầu đường, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế điện;
- Cho thuê văn phòng làm việc, cho thuê sân tennis;
- Kinh doanh kho, bãi.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

| Họ và tên             | Chức vụ  | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|----------|---------------------------------------|
| Ông Vũ Đức Quang      | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2016 |
| Ông Dương Vũ Cường    | Ủy viên  | Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2016 |
| Ông Đặng Đức Khôi     | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2016     |
| Ông Vũ Minh Yên       | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2016     |
| Ông Nguyễn Hoàng Long | Ủy viên  | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2019  |

#### Ban kiểm soát

| Họ và tên             | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm            |
|-----------------------|------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Công Toàn  | Trưởng ban | Ngày 25 tháng 7 năm 2016 |
| Bà Trần Thị Thu Thủy  | Ủy viên    | Ngày 25 tháng 7 năm 2016 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Thu | Ủy viên    | Ngày 25 tháng 7 năm 2016 |

#### Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên            | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|----------------------|-------------------|-------------------------------------|
| Ông Dương Vũ Cường   | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2016   |
| Ông Vũ Minh Yên      | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2019   |
| Ông Trần Thanh Quỳnh | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2019 |

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Dương Vũ Cường – Tổng Giám đốc.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Dương Vũ Cường**

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Số: 2.0 /20/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### **Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Một số công nợ cá nhân là chủ nhiệm công trình liên quan đến các công trình đang chờ quyết toán và Công nợ Phải thu khách hàng chưa được xác nhận đầy đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019. Công nợ cá nhân chưa được đối chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019 lần lượt là: 14.507.646.144 VND và 13.830.878.089 VND (xem thuyết minh số V.6), công nợ phải thu khách hàng chưa đối chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019 lần lượt là: 21.092.859.521 VND và 19.683.744.560 VND (xem thuyết minh số V.3). Bằng cách thủ tục kiểm toán bổ sung, thay thế, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về số dư nêu trên, cũng như ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty (nếu có).

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa – Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2963-2020-008-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Lô 18, Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>67.803.527.218</b> | <b>62.957.663.546</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>10.820.738.709</b> | <b>12.236.551.726</b> |
| 1. Tiền   | 111        |             | 2.020.738.709         | 3.936.551.726         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 8.800.000.000         | 8.300.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                     | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                     | -                     |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>50.507.533.753</b> | <b>42.304.065.344</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 38.140.367.329        | 31.781.946.005        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 1.905.767.326         | 1.826.017.348         |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        | V.5         | 1.824.663.996         | -                     |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.6a        | 25.346.733.275        | 25.697.408.337        |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.7         | (16.947.383.173)      | (17.238.691.346)      |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | 237.385.000           | 237.385.000           |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> | <b>V.8</b>  | <b>6.460.754.756</b>  | <b>8.417.046.476</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        |             | 13.573.463.321        | 15.532.731.292        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | (7.112.708.565)       | (7.115.684.816)       |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>14.500.000</b>     | -                     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |             | -                     | -                     |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 14.500.000            | -                     |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                     | -                     |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                     | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                     | -                     |



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18, Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>7.606.941.002</b>  | <b>7.575.455.573</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>10.000.000</b>     | <b>10.000.000</b>     |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                     | -                     |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                     | -                     |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.6b        | 10.000.000            | 10.000.000            |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>5.159.261.618</b>  | <b>5.529.149.492</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 5.159.261.618         | 5.529.149.492         |
| Nguyên giá                                      | 222        |             | 18.653.425.696        | 18.653.425.696        |
| Giá trị hao mòn lũy kế                          | 223        |             | (13.494.164.078)      | (13.124.276.204)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                     | -                     |
| Nguyên giá                                      | 225        |             | -                     | -                     |
| Giá trị hao mòn lũy kế                          | 226        |             | -                     | -                     |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.10        | -                     | -                     |
| Nguyên giá                                      | 228        |             | 125.000.000           | 125.000.000           |
| Giá trị hao mòn lũy kế                          | 229        |             | (125.000.000)         | (125.000.000)         |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                     | -                     |
| Nguyên giá                                      | 231        |             | -                     | -                     |
| Giá trị hao mòn lũy kế                          | 232        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                     | -                     |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                     | -                     |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> | <b>V.2</b>  | <b>2.000.000.000</b>  | <b>2.000.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | 2.000.000.000         | 2.000.000.000         |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | 4.000.000.000         | 4.000.000.000         |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | (4.000.000.000)       | (4.000.000.000)       |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                     | -                     |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>437.679.384</b>    | <b>36.306.081</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.11        | 437.679.384           | 36.306.081            |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                     | -                     |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                     | -                     |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>75.410.468.220</b> | <b>70.533.119.119</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18, Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|   |            |             |                       |                       |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>31.164.502.143</b> | <b>27.286.369.111</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>31.060.002.143</b> | <b>27.286.369.111</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.12        | 5.252.937.478         | 5.818.325.237         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.13        | 1.768.633.579         | 1.381.198.610         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.14        | 1.867.861.559         | 1.738.451.090         |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 4.460.582.482         | 2.394.385.727         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.15        | 2.447.471.836         | 2.170.494.093         |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                     | -                     |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | 119.638.545           | -                     |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.16a       | 15.105.319.671        | 13.745.957.361        |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        |             | -                     | -                     |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                     | -                     |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | 37.556.993            | 37.556.993            |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                     | -                     |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>104.500.000</b>    | -                     |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                     | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                     | -                     |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                     | -                     |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.16b       | 104.500.000           | -                     |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                     | -                     |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                     | -                     |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                     | -                     |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                     | -                     |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                     | -                     |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                     | -                     |

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18, Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>44.245.966.077</b> | <b>43.246.750.008</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.17</b> | <b>44.245.966.077</b> | <b>43.246.750.008</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 50.000.000.000        | 50.000.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 50.000.000.000        | 50.000.000.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                     | -                     |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | -                     | -                     |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                     | -                     |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                     | -                     |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                     | -                     |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                     | -                     |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                     | -                     |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 4.184.496.327         | 4.184.496.327         |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                     | -                     |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | -                     | -                     |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | (9.938.530.250)       | (10.937.746.319)      |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | (10.937.746.319)      | (10.937.746.319)      |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 999.216.069           | -                     |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                     | -                     |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>75.410.468.220</b> | <b>70.533.119.119</b> |

Người lập biểu

Bùi Ngọc Trường

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kiều Ngọc

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Dương Vũ Cường

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18, Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay        | Năm trước        |
|--|-------|-------------|----------------|------------------|
|  |       |             |                |                  |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 53.293.985.431 | 40.229.609.486   |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | VI.2        | 195.856.097    | 803.342.946      |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 53.098.129.334 | 39.426.266.540   |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.3        | 45.851.253.886 | 37.779.165.675   |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 7.246.875.448  | 1.647.100.865    |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.4        | 416.573.807    | 309.506.399      |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    |             | -              | -                |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | -              | -                |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    |             | -              | -                |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.5        | 6.822.729.170  | 23.495.136.993   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 840.720.085    | (21.538.529.729) |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.6        | 158.805.639    | 10.644.617.012   |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.7        | 309.655        | 43.833.602       |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 158.495.984    | 10.600.783.410   |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 999.216.069    | (10.937.746.319) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    |             | -              | -                |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -              | -                |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | 999.216.069    | (10.937.746.319) |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.9        | -              | -                |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.9        | -              | -                |

Người lập biểu

Bùi Ngọc Trường

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kiều Ngọc



Dương Vũ Cường

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18, Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước            |
|--|-----------|-------------|------------------------|----------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |             |                        |                      |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |             | 999.216.069            | (10.937.746.319)     |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>  |           |             |                        |                      |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        | V.9         | 369.887.874            | 402.854.262          |
| - Các khoản dự phòng   | 03        |             | (294.284.424)          | 14.762.114.549       |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | -                      | -                    |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        | VI.4        | (414.377.323)          | (122.698.936)        |
| - Chi phí lãi vay  | 06        |             | -                      | -                    |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |             | -                      | -                    |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                    |           |             |                        |                      |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |             | (6.060.203.936)        | 25.553.624.604       |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |             | 1.959.267.971          | 3.233.156.411        |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |             | 3.879.833.032          | (29.294.880.009)     |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |             | (401.373.303)          | 594.448.206          |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |             | -                      | -                    |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |             | -                      | -                    |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        |             | -                      | -                    |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        |             | -                      | -                    |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        |             | -                      | -                    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>37.965.960</b>      | <b>4.190.872.768</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |             |                        |                      |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |             | -                      | -                    |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |             | -                      | 22.559.090           |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |             | (1.824.663.996)        | (8.300.000.000)      |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |             | -                      | 8.300.000.000        |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |             | -                      | -                    |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |             | -                      | -                    |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |             | 372.585.019            | 100.139.846          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |             | <b>(1.452.078.977)</b> | <b>122.698.936</b>   |

002-C  
NH  
TỶ  
HỮU H  
TỬ V  
NỘI  
TP. H

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18, Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước             |
|--|-----------|-------------|------------------------|-----------------------|
|  |           |             |                        |                       |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                        |                       |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                      | -                     |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                      | -                     |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        |             | -                      | -                     |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        |             | -                      | -                     |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                      | -                     |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | (1.700.000)            | -                     |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>  | <i>40</i> |             | <i>(1.700.000)</i>     | <i>-</i>              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>(1.415.813.017)</b> | <b>4.313.571.704</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>12.236.551.726</b>  | <b>7.922.980.022</b>  |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | -                      | -                     |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>10.820.738.709</b>  | <b>12.236.551.726</b> |

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Bùi Ngọc Trường

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kiều Ngọc

Tổng Giám đốc



Dương Vũ Cường

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 Khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông (sau đây gọi tắt là “ Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây dựng các công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và các công trình công nghiệp, giao thông dân dụng.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

##### *Công ty con*

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Xây lắp thông tin có trụ sở chính tại Lô 18, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là xây lắp. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### *Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

| Tên đơn vị   | Địa chỉ   |
|--|---|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông – Xí nghiệp Xây lắp số 1 (*)          | Lô 18, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông – Xí nghiệp Xây lắp số 2 (*)          | Lô 18, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông – Xí nghiệp Hàn nối – Đo Kiểm         | Lô 18, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông – Xí nghiệp Xây lắp Tư vấn - Thiết kế | Lô 18, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông – Chi nhánh Miền Nam                  | 147/30 quốc lộ 1K, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai                                |

(\*) Ngày 25/12/2019, HĐQT Công ty đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-HĐQT và Quyết định số 06/QĐ-HĐQT về việc giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông – Xí nghiệp Xây lắp số 1 và Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông – Xí nghiệp Xây lắp số 2. Các Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 104 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 160 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, sau khi đã bù trừ với các khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỆN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, tiền thuê đất trả trước và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 30       |
| Máy móc và thiết bị             | 05 - 10       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 08       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 04 - 06       |
| Tài sản cố định khác            | 05 - 10       |

### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 10. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                 | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                        | 193.322.118           | 602.363.479           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 1.827.416.591         | 3.334.188.247         |
| Các khoản tương đương tiền      | 8.800.000.000         | 8.300.000.000         |
| <b>Cộng</b>                     | <b>10.820.738.709</b> | <b>12.236.551.726</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 2. Đầu tư tài chính dài hạn

|  | Số cuối năm          |                        | Số đầu năm           |                        |
|--|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
|  | Giá gốc              | Dự phòng               | Giá gốc              | Dự phòng               |
| <b>Đầu tư vào công ty con</b>  | <b>2.000.000.000</b> | <b>-</b>               | <b>2.000.000.000</b> | <b>-</b>               |
| Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Xây lắp Thông tin <sup>(i)</sup> | 2.000.000.000        | -                      | 2.000.000.000        | -                      |
| <b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>                                  | <b>4.000.000.000</b> | <b>(4.000.000.000)</b> | <b>4.000.000.000</b> | <b>(4.000.000.000)</b> |
| Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long <sup>(ii)</sup>                  | 4.000.000.000        | (4.000.000.000)        | 4.000.000.000        | (4.000.000.000)        |
| <b>Cộng</b>  | <b>6.000.000.000</b> | <b>(4.000.000.000)</b> | <b>6.000.000.000</b> | <b>(4.000.000.000)</b> |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106701333 ngày 02 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Xây lắp thông tin 2.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 Công ty đã đầu tư đủ theo cam kết.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000149 ngày 18 tháng 3 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long 4.000.000.000 VND tương đương 3,6% vốn điều lệ. Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản đầu tư này do lỗ lũy kế đã vượt vốn điều lệ và cổ phiếu đã bị hủy niêm yết từ 17 tháng 5 năm 2013.

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

#### Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con như sau:

|   | Năm nay       | Năm trước     |
|---|---------------|---------------|
| Công ty con nộp lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh       | -             | 100.139.846   |
| Doanh thu xây lắp cung cấp cho công ty con              | 5.346.265.825 | 3.099.256.729 |
| Cho công ty con thuê văn phòng                          | 57.155.909    | 61.990.910    |
| Thuê công ty con thực hiện dịch vụ xây lắp              | 663.021.628   | 2.088.315.000 |
| Điều chỉnh giảm khối lượng xây lắp công ty con cung cấp | -             | 77.404.000    |
| Cho công ty con vay                                     | 1.824.663.996 | -             |
| Lãi vay phải thu công ty con                            | 41.792.304    | -             |

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|   | Số cuối năm                  | Số đầu năm                   |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>                       | <u>26.542.952.695</u>        | <u>21.988.140.331</u>        |
| Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Xây lắp thông tin | 3.853.592.316                | 3.185.014.064                |
| Các đơn vị thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông          | 22.689.360.379               | 18.803.126.267               |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i>                     | <u>11.597.414.634</u>        | <u>9.793.805.674</u>         |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>38.140.367.329</u></b> | <b><u>31.781.946.005</u></b> |

Trong đó, công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 01 tháng 01 năm 2019 chưa được đối chiếu xác nhận lần lượt là: 21.092.859.521 VND và 19.683.744.560 VND.

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|  | Số cuối năm                 | Số đầu năm                  |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Trả trước cho bên liên quan</i>             | <u>50.000.000</u>           | <u>50.000.000</u>           |
| Viễn thông Đồng Nai                            | 50.000.000                  | 50.000.000                  |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i>            | <u>1.855.767.326</u>        | <u>1.776.017.348</u>        |
| Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Thanh Hóa    | 925.000.000                 | 925.000.000                 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị 25 | 309.000.000                 | 309.000.000                 |
| Các nhà cung cấp khác                          | 621.767.326                 | 542.017.348                 |
| <b>Cộng</b>                                    | <b><u>1.905.767.326</u></b> | <b><u>1.826.017.348</u></b> |

Trong đó, công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019 chưa được đối chiếu xác nhận lần lượt là: 1.905.767.326 VND và 1.832.146.054 VND.

### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây lắp Thông tin vay theo hợp đồng tín dụng số 08/2019, kỳ hạn cho vay 5 tháng (từ ngày 01/08/2019 đến ngày 01/01/2020), lãi suất 5,5%/năm.

### 6. Phải thu khác

#### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

|  | Số cuối năm           |                        | Số đầu năm            |                        |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|  | Giá trị               | Dự phòng               | Giá trị               | Dự phòng               |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>  | <u>2.468.355.112</u>  | <u>(1.866.844.408)</u> | <u>2.426.562.808</u>  | <u>(1.848.099.408)</u> |
| Các đơn vị thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông                               | 2.426.562.808         | (1.866.844.408)        | 2.426.562.808         | (1.848.099.408)        |
| Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Xây lắp thông tin - lãi cho vay dự thu | 41.792.304            | -                      | -                     | -                      |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>                                  | <u>22.966.894.924</u> | <u>(5.138.577.499)</u> | <u>23.270.845.529</u> | <u>(5.303.296.881)</u> |
| Tạm ứng  | 16.935.473.672        | (270.648.932)          | 16.829.222.954        | (272.334.184)          |
| Ký cược, ký quỹ  | 76.262.841            | -                      | 75.241.401            | -                      |
| Phải thu khác của chủ nhiệm các công trình                                   | 1.714.356.939         | (1.711.145.069)        | 3.921.424.089         | (2.195.663.973)        |



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

|                                       | Số cuối năm           |                        | Số đầu năm            |                        |
|---------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|                                       | Giá trị               | Dự phòng               | Giá trị               | Dự phòng               |
| Phải thu của các cá nhân đã nghỉ việc | 2.007.222.864         | (1.444.554.178)        | 1.730.435.712         | (987.624.867)          |
| Phải thu ngắn hạn khác                | 2.145.061.847         | (1.712.229.320)        | 2.261.030.300         | (1.883.673.857)        |
| <b>Cộng</b>                           | <b>25.346.733.275</b> | <b>(7.005.421.907)</b> | <b>25.697.408.337</b> | <b>(7.151.396.289)</b> |

Trong đó, công nợ của các cá nhân tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019 chưa được đối chiếu xác nhận lần lượt là: 14.507.646.144 VND và 13.830.878.089 VND.

#### 6b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ ký cược dài hạn.

#### 7. Nợ xấu

Các khoản nợ phải thu sau đây đều có thời gian quá hạn trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng 100%.

|   | Số cuối năm           |                        | Số đầu năm            |                        |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|   | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi |
| <b>Phải thu khách hàng</b>                        | <b>8.115.943.918</b>  | -                      | <b>8.261.277.709</b>  | -                      |
| Công ty Dịch vụ Viễn thông (GPC)                  | 1.178.214.153         | -                      | 1.178.214.153         | -                      |
| Công ty Cổ phần Viễn Thông CSC                    | 1.103.592.921         | -                      | 1.103.592.921         | -                      |
| Các đơn vị thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông    | 3.809.720.201         | -                      | 3.711.064.150         | -                      |
| Đối tượng khác                                    | 2.024.416.643         | -                      | 2.268.406.485         | -                      |
| <b>Trả trước cho người bán</b>                    | <b>1.826.017.348</b>  | -                      | <b>1.826.017.348</b>  | -                      |
| Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Thanh Hóa       | 925.000.000           | -                      | 925.000.000           | -                      |
| Viễn thông Đồng Nai                               | 50.000.000            | -                      | 50.000.000            | -                      |
| Đối tượng khác                                    | 851.017.348           | -                      | 851.017.348           | -                      |
| <b>Phải thu tiền tạm ứng thực hiện công trình</b> | <b>2.137.198.543</b>  | -                      | <b>2.157.628.795</b>  | -                      |
| Ông Nguyễn Văn Ba                                 | 1.708.168.829         | -                      | 1.708.168.829         | -                      |
| Đối tượng khác                                    | 429.029.714           | -                      | 449.459.966           | -                      |
| <b>Phải thu khác</b>                              | <b>4.868.223.364</b>  | -                      | <b>4.993.767.494</b>  | -                      |
| Các đơn vị thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông    | 1.866.844.408         | -                      | 1.848.099.408         | -                      |
| Đối tượng khác                                    | 3.001.378.956         | -                      | 3.145.668.086         | -                      |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>16.947.383.173</b> | -                      | <b>17.238.691.346</b> | -                      |

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                            | Năm nay               | Năm trước             |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                 | 17.238.691.346        | 2.476.576.797         |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 76.736.435            | 14.762.114.549        |
| Hoàn nhập dự phòng         | (368.044.608)         | -                     |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>16.947.383.173</b> | <b>17.238.691.346</b> |

#### 8. Hàng tồn kho

|                                      | Số cuối năm           |                        | Số đầu năm            |                        |
|--------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|                                      | Giá gốc               | Dự phòng               | Giá gốc               | Dự phòng               |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 214.302.000           | -                      | 214.302.000           | -                      |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 13.359.161.321        | (7.112.708.565)        | 15.318.429.292        | (7.115.684.816)        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>13.573.463.321</b> | <b>(7.112.708.565)</b> | <b>15.532.731.292</b> | <b>(7.115.684.816)</b> |

Tình hình biến động dự phòng hàng tồn kho như sau:

|                    | Năm nay              | Năm trước            |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm         | 7.115.684.816        | 7.115.684.816        |
| Hoàn nhập dự phòng | (2.976.251)          | -                    |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>7.112.708.565</b> | <b>7.115.684.816</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

|                                       | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ<br>quản lý | Cộng           |
|---------------------------------------|---------------------------|---------------------|------------------------------------|------------------------------|----------------|
| Nguyên giá                            | 11.164.213.205            | 3.841.143.304       | 3.430.675.036                      | 217.394.151                  | 18.653.425.696 |
| Số đầu năm                            | 11.164.213.205            | 3.841.143.304       | 3.430.675.036                      | 217.394.151                  | 18.653.425.696 |
| Số cuối năm                           |                           |                     |                                    |                              |                |
| <i>Trong đó:</i>                      |                           |                     |                                    |                              |                |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 637.857.068               | 3.706.143.304       | 3.430.675.036                      | 217.394.151                  | 7.992.069.559  |
| Chờ thanh lý                          |                           |                     |                                    |                              |                |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                           |                     |                                    |                              |                |
| Số đầu năm                            | 5.677.813.713             | 3.798.393.304       | 3.430.675.036                      | 217.394.151                  | 13.124.276.204 |
| Khấu hao trong năm                    | 342.887.874               | 27.000.000          | -                                  | -                            | 369.887.874    |
| Số cuối năm                           | 6.020.701.587             | 3.825.393.304       | 3.430.675.036                      | 217.394.151                  | 13.494.164.078 |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                           |                     |                                    |                              |                |
| Số đầu năm                            | 5.486.399.492             | 42.750.000          | -                                  | -                            | 5.529.149.492  |
| Số cuối năm                           | 5.143.511.618             | 15.750.000          | -                                  | -                            | 5.159.261.618  |
| <i>Trong đó:</i>                      |                           |                     |                                    |                              |                |
| Tạm thời chưa sử dụng                 |                           |                     |                                    |                              |                |
| Đang chờ thanh lý                     |                           |                     |                                    |                              |                |

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 10. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

### 11. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí sửa chữa văn phòng.

### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

|   | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>                       | <i>1.294.800.029</i>        | <i>1.671.464.788</i>        |
| Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Xây lắp thông tin | 1.294.800.029               | 1.671.464.788               |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>                   | <i>3.958.137.449</i>        | <i>4.146.860.449</i>        |
| Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap              | 1.259.881.900               | 1.259.881.900               |
| Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn Thông                     | 874.317.656                 | 868.449.656                 |
| Xí nghiệp Quản lý và Phát triển nhà Đổng Đa             | 607.305.400                 | 607.305.400                 |
| Các nhà cung cấp khác                                   | 1.216.632.493               | 1.411.223.693               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>5.252.937.478</u></b> | <b><u>5.818.325.237</u></b> |

Trong đó, công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019 chưa được đối chiếu xác nhận lần lượt là: 2.698.255.549 VND và 3.951.128.737 VND.

### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|   | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Trả trước của các bên liên quan</i>                                  | <i>543.689.089</i>          | <i>426.391.124</i>          |
| Các đơn vị thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông                          | 543.689.089                 | 426.391.124                 |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i>                                | <i>1.224.944.490</i>        | <i>954.807.486</i>          |
| Tổng Công ty Mạng lưới Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân Đội | 1.224.912.793               | 954.088.386                 |
| Các khách hàng khác   | 31.697                      | 719.100                     |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>1.768.633.579</u></b> | <b><u>1.381.198.610</u></b> |

Trong đó, công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019 chưa được đối chiếu xác nhận lần lượt là: 1.768.633.579 VND và 1.381.198.610 VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|  | Số đầu năm           | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm    | Số cuối năm          |
|--|----------------------|-----------------------|------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa                       | 1.517.417.535        | 4.072.260.141         | (3.941.564.775)        | 1.648.112.901        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                       | 36.396.621           | -                     | -                      | 36.396.621           |
| Thuế thu nhập cá nhân                            | 25.293.759           | 11.625.731            | (12.910.628)           | 24.008.862           |
| Tiền thuê đất, thuế nhà đất                      | 45.053.623           | 862.727.113           | (862.727.113)          | 45.053.623           |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 114.289.552          | 7.080.150             | (7.080.150)            | 114.289.552          |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>1.738.451.090</b> | <b>4.953.693.135</b>  | <b>(4.824.282.666)</b> | <b>1.867.861.559</b> |

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|  | Năm nay       | Năm trước        |
|--|---------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 999.216.069   | (10.937.746.319) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |               |                  |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | -             | 669.055.002      |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | -             | -                |
| Thu nhập chịu thuế   | 999.216.069   | (10.268.691.317) |
| Lỗi các năm trước được chuyển  | (999.216.069) | -                |
| Thu nhập tính thuế   |               |                  |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%           | 20%              |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b>-</b>      | <b>-</b>         |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 2.292,6 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng tại Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

#### Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

|                                    | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí các công trình trích trước | 2.009.123.207        | 1.732.145.464        |
| Chi phí lãi vay phải trả           | 438.348.629          | 438.348.629          |
| <b>Cộng</b>                        | <b>2.447.471.836</b> | <b>2.170.494.093</b> |

### 16. Các khoản phải trả khác

#### 16a. Phải trả ngắn hạn khác

|  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Kinh phí công đoàn                                   | 184.670.020           | 152.362.378           |
| Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp | 71.515.588            | 49.881.240            |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả                           | 1.413.444.544         | 1.415.144.544         |
| Phải trả các cá nhân tiền chi quá tạm ứng            | 9.359.483.942         | 7.366.834.363         |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                     | 2.736.034.877         | 3.421.564.136         |
| <b>Cộng</b>  | <b>15.105.319.671</b> | <b>13.745.957.361</b> |

Trong đó, công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019 chưa được đối chiếu xác nhận lần lượt là: 9.372.816.796 VND và 11.779.029.757 VND.

#### 16b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận đặt cọc dài hạn.

### 17. Vốn chủ sở hữu

#### 17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|                             | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                  |
|-----------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước         | 50.000.000.000            | 4.184.496.327         | -                                 | 54.184.496.327        |
| Lợi nhuận trong năm         | -                         | -                     | (10.937.746.319)                  | (10.937.746.319)      |
| <b>Số dư cuối năm trước</b> | <b>50.000.000.000</b>     | <b>4.184.496.327</b>  | <b>(10.937.746.319)</b>           | <b>43.246.750.008</b> |
| Số dư đầu năm nay           | 50.000.000.000            | 4.184.496.327         | (10.937.746.319)                  | 43.246.750.008        |
| Lợi nhuận trong năm         | -                         | -                     | 999.216.069                       | 999.216.069           |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>   | <b>50.000.000.000</b>     | <b>4.184.496.327</b>  | <b>(9.938.530.250)</b>            | <b>44.245.966.077</b> |

#### 17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|                              | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Vốn đầu tư của Nhà nước      | 24.500.000.000        | 24.500.000.000        |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 25.500.000.000        | 25.500.000.000        |
| <b>Cộng</b>                  | <b>50.000.000.000</b> | <b>50.000.000.000</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 17c. Cổ phiếu

|   | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành       | 5.000.000   | 5.000.000  |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành  | 5.000.000   | 5.000.000  |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 5.000.000   | 5.000.000  |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

|                                   | Năm nay               | Năm trước             |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu hợp đồng xây dựng       | 37.278.911.648        | 29.014.227.340        |
| Doanh thu dịch vụ tư vấn thiết kế | 12.509.273.857        | 9.513.160.117         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ khác   | 3.505.799.926         | 1.702.222.029         |
| <b>Cộng</b>                       | <b>53.293.985.431</b> | <b>40.229.609.486</b> |

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

|  | Năm nay       | Năm trước     |
|--|---------------|---------------|
| Viễn thông Sơn La                          | -             | 424.738.183   |
| Viễn thông Đồng Nai                        | 239.870.300   | 5.372.846.833 |
| Viễn thông Thanh Hóa                       | 833.584.051   | -             |
| Viễn thông Quảng Bình                      | (3.792.728)   | 1.050.963.355 |
| Viễn thông Ninh Bình                       | 864.106.431   | 563.719.000   |
| Viễn thông Cà Mau                          | 3.137.282.137 | 1.692.999.580 |
| Viễn thông Bình Phước                      | 968.840.190   | 509.402.848   |
| Viễn thông Bình Dương                      | -             | 6.441.896     |
| Trung tâm Viễn thông 9 - Viễn thông Hà Nội | 170.659.592   | -             |
| Viễn thông Bắc Ninh                        | 318.844.642   | 332.518.000   |
| Viễn thông Bến Tre                         | 3.053.233.163 | 2.367.048.575 |
| Viễn thông Cần Thơ                         | -             | 37.615.275    |
| Viễn thông Hà Giang                        | 1.650.981.916 | 2.215.571.855 |
| Viễn thông Hậu Giang                       | 702.125.839   | 710.237.400   |
| Viễn thông Long An                         | 4.588.024.775 | 3.739.811.287 |
| Viễn thông Quảng Ninh                      | 4.465.338.825 | 2.606.515.000 |
| Viễn thông Quảng Ngãi                      | 3.188.596.819 | 972.479.000   |
| Viễn thông Tiền Giang                      | 2.403.505.360 | 2.069.593.460 |
| Viễn thông Tuyên Quang                     | 5.140.274.943 | 1.584.890.430 |
| Viễn thông Thái Nguyên                     | 7.713.700     | -             |
| Viễn thông Yên Bái                         | 7.008.215.546 | 2.653.636.475 |
| Viễn thông Nghệ An                         | -             | 694.466.857   |

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

|   | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Viễn thông Đồng Tháp  | 657.076.288                  |                              |
| Viễn thông Vĩnh Long  | 113.946.293                  | 366.788.159                  |
| <b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>                                    |                              |                              |
| Là khoản giảm doanh thu xây lắp theo quyết toán công trình.               |                              |                              |
| <b>3. Giá vốn hàng bán</b>  |                              |                              |
|   | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng   | 34.868.248.876               | 29.721.745.986               |
| Giá vốn dịch vụ tư vấn thiết kế   | 10.983.005.010               | 8.057.419.689                |
| <b>Cộng</b>   | <u><b>45.851.253.886</b></u> | <u><b>37.779.165.675</b></u> |
| <b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>                                   |                              |                              |
|   | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
| Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn  | 372.585.019                  | 163.591.178                  |
| Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn                                       | 2.196.484                    | 45.775.375                   |
| Lãi dự thu tiền cho vay   | 41.792.304                   | -                            |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia   | -                            | 100.139.846                  |
| <b>Cộng</b>   | <u><b>416.573.807</b></u>    | <u><b>309.506.399</b></u>    |
| <b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>                                    |                              |                              |
|   | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
| Chi phí cho nhân viên   | 3.902.574.022                | 4.205.332.869                |
| Chi phí đồ dùng văn phòng   | 251.118.441                  | 356.411.143                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định  | 325.190.202                  | 340.458.918                  |
| Thuế, phí và lệ phí   | 880.290.018                  | 2.212.161.262                |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi                            | (291.308.173)                | 14.762.114.549               |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài   | 483.972.884                  | 642.787.941                  |
| Các chi phí khác  | 1.270.891.776                | 975.870.311                  |
| <b>Cộng</b>   | <u><b>6.822.729.170</b></u>  | <u><b>23.495.136.993</b></u> |
| <b>6. Thu nhập khác</b>   |                              |                              |
|   | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
| Thu lại chi phí khoán tạm ứng doanh thu công trình bị chủ đầu tư cắt giảm | 152.559.991                  | 447.369.203                  |
| Thu thanh lý công cụ dụng cụ  | 1.000.001                    | 22.559.090                   |
| Xử lý chênh lệch công nợ nhỏ lẻ   | 5.245.647                    | 460                          |
| Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ                             | -                            | 10.174.688.259               |
| <b>Cộng</b>   | <u><b>158.805.639</b></u>    | <u><b>10.644.617.012</b></u> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 7. Chi phí khác

|                           | Năm nay        | Năm trước         |
|---------------------------|----------------|-------------------|
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 80.150         | 40.277.981        |
| Chi phí khác              | 229.505        | 3.555.621         |
| <b>Cộng</b>               | <b>309.655</b> | <b>43.833.602</b> |

#### 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Năm nay               | Năm trước             |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 12.530.427.866        | 7.616.368.317         |
| Chi phí nhân công                | 29.968.604.557        | 20.807.717.640        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 369.887.874           | 402.854.262           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 4.454.538.684         | 1.226.719.600         |
| Chi phí khác                     | 3.129.090.853         | 18.966.572.909        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>50.452.549.834</b> | <b>49.020.232.728</b> |

#### 9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 430.999.973 VND (năm trước là 478.786.230 VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u>                               | <u>Mối quan hệ</u>   |
|---|----------------------|
| Tập đoàn Bru chính Viễn thông                           | Công ty mẹ           |
| Viễn thông các tỉnh                                     | Đơn vị cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Xây lắp thông tin | Công ty con          |

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6; V.12 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

#### 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

##### 2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc và khu vực Miền Nam

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

|  | <u>Khu vực Miền Bắc</u> | <u>Khu vực Miền Nam</u> | <u>Cộng</u>           |
|--|-------------------------|-------------------------|-----------------------|
| <b>Năm nay</b>   |                         |                         |                       |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 46.793.263.024          | 6.304.866.310           | 53.098.129.334        |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>  | <b>46.793.263.024</b>   | <b>6.304.866.310</b>    | <b>53.098.129.334</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận                              | 6.812.633.192           | 434.242.256             | 7.246.875.448         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                       |                         |                         | (6.822.729.170)       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                            |                         |                         | 424.146.278           |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                |                         |                         | 416.573.807           |
| Chi phí tài chính  |                         |                         | -                     |
| Thu nhập khác  |                         |                         | 158.805.639           |
| Chi phí khác   |                         |                         | (309.655)             |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                 |                         |                         | -                     |
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>                               |                         |                         | <b>999.216.069</b>    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

|   | <b>Khu vực Miền Bắc</b> | <b>Khu vực Miền Nam</b> | <b>Cộng</b>             |
|---|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i> | <i>656.519.075</i>      | <i>-</i>                | <i>656.519.075</i>      |
| <i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>                   | <i>352.190.202</i>      | <i>17.697.672</i>       | <i>369.887.874</i>      |
| <b>Năm trước</b>  |                         |                         |                         |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                        | 31.679.074.248          | 7.747.192.292           | 39.426.266.540          |
| <i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>                         | <i>31.679.074.248</i>   | <i>7.747.192.292</i>    | <i>39.426.266.540</i>   |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 1.708.559.398           | (61.458.533)            | 1.647.100.865           |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  |                         |                         | (23.495.136.993)        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   |                         |                         | (21.848.036.128)        |
| Doanh thu hoạt động tài chính   |                         |                         | 309.506.399             |
| Chi phí tài chính   |                         |                         | -                       |
| Thu nhập khác   |                         |                         | 10.644.617.012          |
| Chi phí khác  |                         |                         | (43.833.602)            |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |                         |                         | -                       |
| <i>Lợi nhuận sau thuế TNDN</i>  |                         |                         | <i>(10.937.746.319)</i> |
| <i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i> |                         |                         | <i>-</i>                |
| <i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>                   | <i>367.458.918</i>      | <i>35.395.344</i>       | <i>402.854.262</i>      |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

|                                   | <b>Khu vực Miền Bắc</b> | <b>Khu vực Miền Nam</b> | <b>Cộng</b>           |
|-----------------------------------|-------------------------|-------------------------|-----------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                |                         |                         |                       |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận     | 68.878.418.407          | 6.532.049.813           | 75.410.468.220        |
| <i>Tổng tài sản</i>               |                         |                         | <i>75.410.468.220</i> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 27.314.888.846          | 3.849.613.297           | 31.164.502.143        |
| <i>Tổng nợ phải trả</i>           |                         |                         | <i>31.164.502.143</i> |
| <b>Số đầu năm</b>                 |                         |                         |                       |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận     | 62.692.948.137          | 7.840.170.982           | 70.533.119.119        |
| <i>Tổng tài sản</i>               |                         |                         | <i>70.533.119.119</i> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 22.390.964.201          | 4.895.404.910           | 27.286.369.111        |
| <i>Tổng nợ phải trả</i>           |                         |                         | <i>27.286.369.111</i> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Lô 18 khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng các công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và các công trình công nghiệp, giao thông dân dụng.
- Lĩnh vực tư vấn thiết kế: Thiết kế, tư vấn lắp đặt các công trình viễn thông.
- Lĩnh vực khác: Cho thuê văn phòng và các dịch vụ đi kèm cho thuê.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

|                          | Năm nay               | Năm trước             |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lĩnh vực xây lắp         | 37.083.055.551        | 28.210.884.394        |
| Lĩnh vực tư vấn thiết kế | 12.509.273.857        | 9.513.160.117         |
| Lĩnh vực khác            | 3.505.799.926         | 1.702.222.029         |
| <b>Cộng</b>              | <b>53.098.129.334</b> | <b>39.426.266.540</b> |

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác ngoài sự kiện đã nêu ở thuyết minh I.5, phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Ngọc Trường

Nguyễn Thị Kiều Ngọc

Dương Vũ Cường

